

25

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN
SÔNG ĐÀ 19

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2013	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2013	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013	14 - 37



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 19 (công ty mẹ) và công ty con (gọi chung là nhóm Công ty).

Khái quát về nhóm Công ty

Công ty cổ phần Sông Đà 19 được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 869/QĐ-BXD ngày 18 tháng 6 năm 2003 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400450691 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 08 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do tăng vốn điều lệ và thay đổi địa chỉ kinh doanh, trong đó lần thứ 08 là ngày 20 tháng 5 năm 2013.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 50.000.000.000 VND (Năm mươi tỷ đồng)

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông sáng lập	2.021.100.000	4,04
Ông Vũ Kim Long	470.000.000	0,94
Ông Trịnh Quốc Liễu	292.020.000	0,58
Ông Phan Văn Hào	629.540.000	1,26
Ông Trần Mạnh Cường	629.540.000	1,26
Các cổ đông khác	47.978.900.000	95,96
Cộng	50.000.000.000	100

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : TT9 - B78(59), Khu đô thị Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
 Điện thoại : 043 787 6376
 Fax : 043 787 6375
 Website : songda19.com.vn
 Mã số thuế : 0400450691

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Chuẩn bị mặt bằng: dịch vụ nổ mìn; san lấp và chuẩn bị mặt bằng công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: đầu tư và kinh doanh bất động sản; kinh doanh cơ sở hạ tầng, kinh doanh nhà;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu: Khai thác, chế biến khoáng sản (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của nhà nước cho phép);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Bán buôn khoáng sản;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, đường dây và trạm biến áp, sân bay, bến cảng, cầu; Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng;
- Phá dỡ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: xuất nhập, khẩu vật tư và thiết bị;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ: xây dựng các công trình giao thông;

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: đầu tư xây dựng và kinh doanh điện;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Kinh doanh khách sạn;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: bán buôn vật liệu xây dựng./.

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Thủy điện Đăk Lây	Số 252, đường Duy Tân, phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6100593280	95%

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của nhóm Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 7 đến trang 37).

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 19 khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm, miễn nhiệm
Ông Trần Mạnh Cường	Chủ tịch	Bổ nhiệm lại tại ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 4 năm 2013
Ông Vũ Trung Trực	Thành viên	Bổ nhiệm lại tại ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 4 năm 2013
Ông Vũ Kim Long	Thành viên	Bổ nhiệm lại tại ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 4 năm 2013
Ông Bùi Khắc Giang	Thành viên	Bổ nhiệm lại tại ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 4 năm 2013
Ông Đinh Quang Chiến	Thành viên	Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 4 năm 2013
Ông Huỳnh Văn Cán	Thành viên	Không bổ nhiệm lại tại ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 4 năm 2013

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm, miễn nhiệm
Ông Trần Thế Anh	Trưởng ban	Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 4 năm 2013
Ông Bùi Tuấn Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Việt Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 4 năm 2013
Ông Trần Việt Dũng	Trưởng ban	Miễn nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 4 năm 2013
Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh	Thành viên	Miễn nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 4 năm 2013
Ông Phạm Văn Kiều	Thành viên	Miễn nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 4 năm 2013

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Vũ Trung Trực	Tổng Giám đốc	16 tháng 8 năm 2012	
Ông Phan Văn Hào	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 8 năm 2003	
Ông Bùi Khắc Giang	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 4 năm 2010	

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của nhóm Công ty.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của nhóm Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, nhóm Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của nhóm Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của nhóm Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sông Đà 19 và công ty con tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Vũ Trung Trực

Ngày 4 tháng 3 năm 2014



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Truong Son St., W. 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 89/2014/BCTC-KTTV-KT3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 19 và Công ty con được lập ngày 4 tháng 3 năm 2014, từ trang 7 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

002
NH
TY
HUU
A TU
C
NOI
TP

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sông Đà 19 và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư – Phó Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0059-2013-008-1

Hà Nội, ngày 4 tháng 3 năm 2014

Lê Văn Khoa – Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1794-2013-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		75.234.574.513	117.874.454.550
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	621.497.887	666.837.993
1. Tiền	111		621.497.887	666.837.993
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		51.094.922.237	70.346.559.556
1. Phải thu khách hàng	131		38.460.563.621	52.010.280.816
2. Trả trước cho người bán	132		7.938.343.458	6.603.203.787
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.2	28.000.414.825	11.733.074.953
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.3	(23.304.399.667)	-
IV. Hàng tồn kho	140		13.883.308.621	31.460.484.932
1. Hàng tồn kho	141	V.4	13.883.308.621	31.460.484.932
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.634.845.768	15.400.572.069
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		67.827.373	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.153.579.234	1.190.630.473
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.5	75.075	75.075
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	8.413.364.086	14.209.866.521

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		75.151.278.046	41.871.391.769
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		66.047.177.731	28.222.720.311
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	1.816.951.620	3.182.777.373
<i>Nguyên giá</i>	222		9.056.266.329	15.009.517.462
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(7.239.314.709)	(11.826.740.089)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	64.230.226.111	25.039.942.938
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		8.537.780.798	13.416.491.837
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.9	7.017.780.798	7.036.491.837
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.10	1.900.000.000	6.900.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.11	(380.000.000)	(520.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		566.319.517	232.179.621
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	485.581.396	151.441.500
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	80.738.121	80.738.121
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		150.385.852.559	159.745.846.319

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		128.980.819.574	109.808.821.616
I. Nợ ngắn hạn	310		85.429.644.721	92.165.509.319
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	14.757.666.064	20.485.768.514
2. Phải trả người bán	312		25.763.000.803	31.617.778.795
3. Người mua trả tiền trước	313		4.430.375.324	12.133.496.717
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	2.212.971.738	1.965.232.630
5. Phải trả người lao động	315		820.931.171	886.906.508
6. Chi phí phải trả	316	V.16	1.644.990.141	42.567.970
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	35.786.256.143	25.005.645.757
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.18	13.453.337	28.112.428
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		43.551.174.853	17.643.312.297
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.19	43.140.425.373	17.027.188.077
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.20	410.749.480	616.124.220
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		21.405.032.985	49.937.024.703
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	21.405.032.985	49.937.024.703
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		13.510.260.157	13.510.260.157
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.057.911.703	3.057.911.703
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		775.138.871	775.138.871
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(45.938.277.746)	(17.406.286.028)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		150.385.852.559	159.745.846.319

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài		-	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		49.616.895	49.616.895		
5. Ngoại tệ các loại:					
Dollar Mỹ (USD)		1,06		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-	-	-

Lập, ngày 4 tháng 3 năm 2014

Người lập biểu

Hoàng Việt Thanh

Kế toán trưởng

Trần Trung Khìn



Tổng Giám đốc

Vũ Trung Trực

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

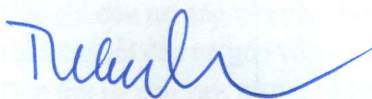
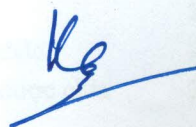
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	34.423.747.826	103.836.692.757
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	2.882.487.546
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		34.423.747.826	100.954.205.211
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	34.238.190.700	101.129.125.933
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		185.557.126	(174.920.722)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	13.072.677	190.664.189
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.905.313.035	7.798.856.844
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.034.209.423	7.160.624.988
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	26.822.246.191	5.350.065.870
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(28.528.929.423)	(13.133.179.247)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1.524.471.736	33.493.925.103
12. Chi phí khác	32	VI.7	1.508.822.992	31.986.508.889
13. Lợi nhuận khác	40		15.648.744	1.507.416.214
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		2.229.393	306.491.837
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(28.511.051.286)	(11.319.271.196)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	205.374.740	429.004.533
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(205.374.740)	(205.374.740)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(28.511.051.286)</u>	<u>(11.542.900.989)</u>
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	(7.112.699)
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		(28.511.051.286)	(11.535.788.290)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>(5.702)</u>	<u>(2.307)</u>

Lập, ngày 4 tháng 3 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Hoàng Việt Thanh

Trần Trung Khin

Vũ Trung Trực

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**(Theo phương pháp gián tiếp)**

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm nay	Năm trước
	số	minh		
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(28.511.051.286)	(11.319.271.196)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.7	513.031.248	1.074.864.842
- Các khoản dự phòng	03	VI.4; 5	23.164.399.667	520.000.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	(171)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.6; 7	(230.095.629)	(824.925.616)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	2.034.209.423	7.160.624.988
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(3.029.506.748)	(3.388.706.982)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		8.824.142.211	(1.668.640.660)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		17.577.176.311	23.656.104.401
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(6.332.504.759)	(8.946.602.672)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(363.822.590)	598.115.614
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1.444.988.360)	(1.786.353.199)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(193.441.767)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		326.528.980	126.723.590
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(662.958.791)	(408.952.570)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		14.894.066.254	7.988.245.755
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(36.819.859.559)	(26.663.760.180)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.6	1.495.318.182	31.753.372.427
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	3.500.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(35.324.541.377)	8.589.612.247

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-		-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-		-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33 V.14; 19		36.568.924.289		34.326.936.617
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34 V.14; 19		(16.183.789.443)		(56.711.499.903)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		20.385.134.846		(22.384.563.286)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(45.340.277)		(5.806.705.284)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1		666.837.993		6.473.543.277
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		171		-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 V.1		621.497.887		666.837.993

Người lập biểu



Hoàng Việt Thanh

Kế toán trưởng



Trần Trung Khìn

Lập, ngày 4 tháng 3 năm 2014

Tổng Giám đốc



Vũ Trung Trực

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sông Đà 19 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 19 (công ty mẹ) và công ty con (gọi chung là nhóm Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NHÓM CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Xây lắp
- Ngành nghề kinh doanh** : Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, đường dây và trạm biến áp.
- Tổng số các công ty con** : 01
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01
Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0

5. Danh sách các công ty con được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH Thủy điện Đăk Lây	Số 252, đường Duy Tân, phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	100%	95%

6. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Sông Đà Miền Trung	Số 12 Hồ Xuân Hương, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng	36,88%	34,96%

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 nhóm Công ty có 52 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 46 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 19 đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Nhóm Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 19 (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của Công ty mẹ thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của nhóm Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà nhóm Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của nhóm Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi nhóm Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của nhóm Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Công ty mẹ. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng tại Công ty mẹ thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	03 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và các đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của nhóm Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí thuê văn phòng

Chi phí thuê văn phòng trả trước thể hiện khoản tiền thuê văn phòng đã trả cho phần diện tích nhóm Công ty đang sử dụng. Tiền thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê.

Chi phí sửa chữa tài sản

Chi phí sửa chữa tài sản được phân bổ vào chi phí trong năm với thời gian không quá 30 tháng.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Nhóm Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại nhóm Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 nhóm Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, nhóm Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

13. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phân ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chi được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi nhóm Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của nhóm Công ty gồm các nhóm: các khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua tài sản tài chính đó.

18. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của nhóm Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của nhóm Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi nhóm Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	81.622.477	76.850.902
Tiền gửi ngân hàng	539.875.410	589.987.091
Cộng	<u>621.497.887</u>	<u>666.837.993</u>

2. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền BHXH, BHYT, BHTN	92.934.386	39.635.080
Phải thu Ban Quản lý dự án Giao thông Nông thông Đà Nẵng tiền đền bù giải phóng mặt bằng	9.557.000	9.557.000
Phải thu ông Trương Văn Tuấn - tiền cho vay	6.000.000.000	6.000.000.000
Phải thu chủ nhiệm công trình	16.996.305.624	1.502.286.863
Công ty Cổ phần Nam Hải (tiền thoái vốn đầu tư)	4.500.000.000	3.939.393.940
Các khoản phải thu khác	401.617.815	242.202.070
Cộng	<u>28.000.414.825</u>	<u>11.733.074.953</u>

3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Là khoản dự phòng phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi.

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm		
Trích lập dự phòng trong năm	(23.304.399.667)	
Số cuối năm	<u>(23.304.399.667)</u>	

4. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ		20.258.759
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	13.883.308.621	31.440.226.173
Cộng	<u>13.883.308.621</u>	<u>31.460.484.932</u>

5. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Là thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa.

6. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	7.779.364.386	13.897.637.541
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	633.999.700	312.228.980
Cộng	<u>8.413.364.086</u>	<u>14.209.866.521</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	10.652.435.283	3.761.718.845	595.363.334	15.009.517.462
Mua sắm mới trong năm	450.572.727			450.572.727
Thanh lý, nhượng bán	(5.384.308.314)	(424.004.156)	(64.250.909)	(5.872.563.379)
Giảm do không đủ tiêu chuẩn theo thông tư 45/2013/TT-BTC	(90.931.169)	(10.550.000)	(429.779.312)	(531.260.481)
Số cuối năm	5.627.768.527	3.327.164.689	101.333.113	9.056.266.329
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	3.846.513.800	1.732.965.143	101.333.113	5.680.812.056
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	8.443.150.168	2.834.013.972	549.575.949	11.826.740.089
Khấu hao trong năm	290.607.718	203.084.148	19.339.382	513.031.248
Thanh lý, nhượng bán	(4.127.478.210)	(424.004.156)	(55.858.460)	(4.607.340.826)
Giảm do không đủ tiêu chuẩn theo thông tư 45/2013/TT-BTC	(74.358.700)	(7.033.344)	(411.723.758)	(493.115.802)
Số cuối năm	4.531.920.976	2.606.060.620	101.333.113	7.239.314.709
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	2.209.285.115	927.704.873	45.787.385	3.182.777.373
Số cuối năm	1.095.847.551	721.104.069		1.816.951.620

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí xây dựng công trình thủy điện Đăk Lây. Chi tiết phát sinh như sau:

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Chi phí xây lắp	19.881.512.621	24.827.353.259	-	44.708.865.880
Chi phí thiết bị	-	7.767.114.241	-	7.767.114.241
Chi phí tư vấn	1.205.380.795	630.601.844	-	1.835.982.639
Chi phí quản lý dự án	2.784.704.161	1.899.728.853	-	4.684.433.014
Lãi vay trong giai đoạn xây dựng	840.683.646	4.065.484.976	-	4.906.168.622
Chi phí khác	327.661.715	-	-	327.661.715
Cộng	25.039.942.938	39.190.283.173	-	64.230.226.111

9. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị
Công ty Cổ phần Sông Đà Miền Trung ⁽ⁱ⁾	Xây lắp	34,96%	7.017.780.798	34,96%	7.036.491.837
Cộng			7.017.780.798	*	7.036.491.837

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0401380849 thay đổi lần thứ 1 ngày 17 tháng 12 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà Miền Trung là 19.250.000.000 VND, Công ty Cổ phần Sông Đà 19 đầu tư là 6.730.000.000 VND, tương đương với 34,96% vốn điều lệ.

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Đà Miền Trung được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá gốc của khoản đầu tư đầu năm	6.730.000.000	10.230.000.000
Giá gốc của phần chuyển nhượng trong năm		(3.500.000.000)
Giá gốc của khoản đầu tư sau chuyển nhượng	6.730.000.000	6.730.000.000
Tăng giá trị khoản đầu tư do hợp nhất theo phương pháp vốn chủ	287.780.798	306.491.837
Giá trị phần sở hữu cuối năm	<u>7.017.780.798</u>	<u>7.036.491.837</u>

10. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Đầu tư cổ phiếu		1.900.000.000		1.900.000.000
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch II ⁽ⁱ⁾	100.000	1.000.000.000	100.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkring ⁽ⁱ⁾	40.000	400.000.000	40.000	400.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên	50.000	500.000.000	50.000	500.000.000
Đầu tư dài hạn khác		1.900.000.000		5.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh và Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Phúc Hà ⁽ⁱⁱ⁾				5.000.000.000
Cộng		<u>1.900.000.000</u>		<u>6.900.000.000</u>

- (i) Là khoản ủy thác đầu tư qua Tổng Công ty Sông Đà

- (ii) Là khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác góp vốn đầu tư kinh doanh số 02/2009/HĐHTĐT về việc đầu tư xây dựng và kinh doanh dự án Tổ hợp chung cư cao tầng Nam Xa La tại phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, tổng mức đầu tư tạm tính của dự án là 701.257.550.000 VND, tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần Sông Đà 19 là 15%, tương đương với 105.188.632.500 VND, góp vốn lần đầu là 5.000.000.000 VND. Theo thỏa thuận giữa hai bên, Công ty rút khỏi hợp đồng hợp tác kinh doanh này, thực hiện thoái vốn đầu tư.

11. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Là khoản dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Chi phí thuê văn phòng	151.441.500	212.000.000	(315.441.500)	48.000.000
Chi phí sửa chữa	-	494.109.716	(85.528.551)	408.581.165
Công cụ dụng cụ	-	29.000.231	-	29.000.231
Cộng	151.441.500	735.109.947	(400.970.051)	485.581.396

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Là thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế

14. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngũ Hành Sơn	13.508.216.064	17.957.246.548
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	1.249.450.000	1.349.450.000
Vay dài hạn đến hạn trả	-	1.179.071.966
Cộng	14.757.666.064	20.485.768.514

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	17.957.246.548	10.455.686.993	14.904.717.477	13.508.216.064
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	1.349.450.000	-	100.000.000	1.249.450.000
Vay dài hạn đến hạn trả	1.179.071.966	-	1.179.071.966	-
Cộng	20.485.768.514	10.455.686.993	16.183.789.443	14.757.666.064

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.750.428.594	1.138.609.948	1.159.239.664	1.729.798.878
Thuế thu nhập doanh nghiệp	168.691.622	205.374.740	-	374.066.362
Thuế thu nhập cá nhân	46.037.339	80.161.954	19.523.263	106.676.030
Các loại thuế khác	-	6.000.000	6.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	2.355.393	-	2.355.393
Cộng	1.965.157.555	1.432.502.035	1.184.762.927	2.212.896.663

Trong đó:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	(75.075)	(75.075)
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	2.212.971.738	1.965.232.630
Cộng	2.212.896.663	1.965.157.555

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Nhóm Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nhóm Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(28.511.051.286)	(11.319.271.196)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	28.527.855.384	11.491.837.863
- Các khoản điều chỉnh tăng	29.056.999.413	12.572.977.714
Khoản lỗ tại Công ty mẹ	4.626.181.294	11.149.320.689
Khoản lỗ tại Công ty TNHH Thủy điện Đăk Lây		314.331.541
Lãi chưa thực hiện trong giao dịch nội bộ	902.669.086	
Chi phí không hợp lệ	23.528.149.033	995.928.253
Lỗ thanh lý Công ty con		113.397.231
- Các khoản điều chỉnh giảm	(539.447.068)	(1.081.139.851)
Khấu hao tương ứng với phần chênh lệch tăng thêm do Công ty mẹ bán tài sản cho Công ty con	(526.723.467)	
Lãi trong Công ty liên kết	(2.229.393)	(306.491.837)
Cổ tức không phải trả		(35.000.000)
Dự phòng lỗ Công ty con	(10.494.208)	(739.648.014)
Tổng thu nhập chịu thuế	6.501.059	172.566.667
Phân bổ thu nhập từ chênh lệch góp vốn vào Công ty con bằng tài sản được hoãn nộp thuế trong năm 2010	821.498.960	821.498.960
Thu nhập chịu thuế của hoạt động chuyển nhượng bất động sản		773.722.504
Lỗ các năm trước được chuyển	(6.501.059)	
Thu nhập tính thuế	821.498.960	1.767.788.131
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	205.374.740	441.947.033
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm (30%)		(12.942.500)
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	205.374.740	429.004.533

Thuế nhà đất

Tiền thuế đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được kê khai và nộp theo qui định.

16. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công trình	1.559.525.713	
Chi phí lãi vay	85.464.428	42.567.970
Cộng	1.644.990.141	42.567.970

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	585.232.236	661.270.480
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	494.855.230	61.686.707
Tiền thuê văn phòng phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà		198.576.000
Khối lượng phải trả theo hợp đồng khoán	2.062.845.823	6.709.699.461
Vay cán bộ nhân viên không phải trả lãi	25.980.104.678	10.675.520.017
Tiền lãi vay phải trả các ngân hàng	5.916.546.803	5.475.261.647
Tiền lãi vay phải trả các cá nhân	204.964.382	57.028.475
Phải trả tiền khối lượng công trình giảm theo quyết định của Thanh tra tỉnh Quảng Nam		1.052.198.000
Các khoản phải trả phải nộp khác	541.706.991	114.404.970
Cộng	<u>35.786.256.143</u>	<u>25.005.645.757</u>

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Trích quỹ trong năm</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	6.800.381			6.800.381
Quỹ phúc lợi	21.312.047		14.659.091	6.652.956
Cộng	<u>28.112.428</u>		<u>14.659.091</u>	<u>13.453.337</u>

19. Vay và nợ dài hạn

Là khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum để đầu tư dự án Thủy điện Đăk Lây. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trên 1 năm đến 5 năm	43.140.425.373	17.027.188.077

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	17.027.188.077	1.352.111.598
Số tiền vay phát sinh trong năm	26.113.237.296	15.675.076.479
Số cuối năm	<u>43.140.425.373</u>	<u>17.027.188.077</u>

20. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	616.124.220	821.498.960
Hoàn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	(205.374.740)	(205.374.740)
Số cuối năm	<u>410.749.480</u>	<u>616.124.220</u>

102-113
NH
CY
HUU
TU
C
HOI
TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	50.000.000.000	13.510.260.157	3.057.911.703	775.138.871	247.824.545	67.591.135.276
Lợi nhuận trong năm trước					(11.535.788.290)	(11.535.788.290)
Thanh lý Công ty con					2.260.018.814	2.260.018.814
Số dư cuối năm trước	50.000.000.000	13.510.260.157	3.057.911.703	775.138.871	(17.406.286.028)	49.937.024.703
Số dư đầu năm nay	50.000.000.000	13.510.260.157	3.057.911.703	775.138.871	(17.406.286.028)	49.937.024.703
Lợi nhuận trong năm nay					(28.511.051.286)	(28.511.051.286)
Giảm lợi ích trong Công ty liên kết do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi					(20.940.432)	(20.940.432)
Số dư cuối năm nay	50.000.000.000	13.510.260.157	3.057.911.703	775.138.871	(45.938.277.746)	21.405.032.985

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	5.000.000	5.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	34.423.747.826	103.836.692.757
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	1.270.148.645	1.776.924.303
- <i>Doanh thu hoạt động xây dựng</i>	33.153.599.181	102.059.768.454
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	2.882.487.546
<i>Giảm giá hàng bán</i>	-	2.882.487.546
Doanh thu thuần	<u>34.423.747.826</u>	<u>100.954.205.211</u>
<i>Trong đó:</i>		
- <i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	1.270.148.645	1.776.924.303
- <i>Doanh thu thuần hoạt động xây dựng (*)</i>	33.153.599.181	99.177.280.908
(*) Trong đó:		
Doanh thu phát sinh trong năm	33.840.691.895	103.270.210.473
Doanh thu các năm trước bị cắt giảm	(687.092.714)	(4.092.929.565)

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	486.404.612	717.189.533
Giá vốn của hợp đồng xây dựng ⁽ⁱ⁾	33.751.786.088	100.411.936.400
Cộng	<u>34.238.190.700</u>	<u>101.129.125.933</u>
(i) Giá vốn hợp đồng xây dựng như sau:		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	12.602.929.411	18.687.792.760
Chi nhân công trực tiếp	3.944.623.663	10.125.147.256
Chi phí sử dụng máy thi công	431.569.091	9.202.831.898
Chi phí sản xuất chung	2.536.231.030	8.783.823.230
Chi phí thuê thầu phụ	6.840.715.068	46.321.802.584
Tổng chi phí sản xuất	26.356.068.263	93.121.397.728
Giảm chi phí các năm trước	(9.826.875.921)	
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	17.556.917.552	10.541.022.005
Cộng	<u>34.086.109.894</u>	<u>103.662.419.733</u>
Giảm giá vốn các năm trước do giảm doanh thu	(334.323.806)	(3.250.483.333)
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	<u>33.751.786.088</u>	<u>100.411.936.400</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn		169.231.536
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	13.072.506	21.432.653
Lãi chênh lệch tỷ giá	171	
Cộng	<u>13.072.677</u>	<u>190.664.189</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	2.034.209.423	7.160.624.988
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		113.397.231
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(140.000.000)	520.000.000
Chi phí tài chính khác	11.103.612	4.834.625
Cộng	<u>1.905.313.035</u>	<u>7.798.856.844</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	1.539.997.618	2.372.809.561
Chi phí vật liệu quản lý	395.124.445	326.284.866
Chi phí đồ dùng văn phòng	28.066.179	230.350.558
Chi phí khấu hao TSCĐ	290.283.412	394.048.352
Thuế, phí và lệ phí	5.549.965	25.312.736
Chi phí dự phòng	23.304.399.667	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	522.642.053	1.084.854.147
Chi phí bằng tiền khác	736.182.852	916.405.650
Cộng	<u>26.822.246.191</u>	<u>5.350.065.870</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.495.318.182	7.272.727
Cho thuê lại văn phòng		850.480.000
Chuyển nhượng dự án tại 12 Hồ Xuân Hương		19.146.099.700
Chuyển nhượng quyền thuê văn phòng HH3 Mỹ Đình		12.600.000.000
Thu lại tiền sửa chữa văn phòng CT9		100.000.000
Thu nhập từ cho thuê ca máy		712.800.000
Thu nhập khác	29.153.554	77.272.676
Cộng	<u>1.524.471.736</u>	<u>33.493.925.103</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại tài sản cố định bán thanh lý	1.265.222.553	
Thuế bị phạt, bị truy thu	223.749.366	129.823.535
Chi phí cho thuê văn phòng		832.072.000
Quyền sử dụng đất và chi phí xây dựng dự án tại 12 Hồ Xuân Hương		19.533.950.982
Chi phí thuê văn phòng HH3 Mỹ Đình còn chưa phân bổ		11.281.098.598
Lãi chậm nộp BHXH	16.431.073	42.642.668
Phạt vi phạm hành chính	3.420.000	
Chi phí khác		166.921.106
Cộng	<u>1.508.822.992</u>	<u>31.986.508.889</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(28.511.051.286)	(11.535.788.290)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(28.511.051.286)	(11.535.788.290)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(5.702)	(2.307)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.734.924.728	24.534.393.068
Chi phí nhân công	5.489.040.962	15.851.768.273
Chi phí khấu hao tài sản cố định	290.283.412	1.640.013.319
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.922.375.098	54.445.185.699
Chi phí khác	25.741.690.254	2.000.103.239
Cộng	53.178.314.454	98.471.463.598

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của công ty mẹ và công ty con và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Ban điều hành		
Cho nhóm Công ty vay ngắn hạn		615.000.000
Nhóm Công ty trả tiền vay ngắn hạn	100.000.000	5.140.000.000
Tiền lãi vay nhóm Công ty phải trả	147.935.907	538.893.036
Tiền lãi vay nhóm Công ty đã trả		626.572.894
Nhận tạm ứng	690.000.000	1.610.811.118
Hoàn tạm ứng	339.592.897	3.413.356.298
Ban kiểm soát		
Nhận tạm ứng	30.000.000	
Hoàn tạm ứng	176.764.050	

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ban điều hành		
Phải thu tiền tạm ứng	4.468.765.223	4.118.358.120

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban kiểm soát		
Phải thu tiền tạm ứng	30.000.000	
Cộng nợ phải thu	4.498.765.223	4.118.358.120
Ban điều hành		
Tiền vay ngắn hạn	1.249.450.000	1.349.450.000
Lãi vay	204.964.382	57.028.475
Cộng nợ phải trả	1.454.414.382	1.406.478.475
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	263.526.287	568.081.910
Phụ cấp	238.882.806	171.000.000
Cộng	502.409.093	739.081.910

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với nhóm Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Sông Đà Miền Trung	Công ty liên kết

Các giao dịch phát sinh trong năm giữa nhóm Công ty với bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giao dịch giữa Sông Đà 19 với Sông Đà Miền Trung		
Chuyển nhượng vốn góp tại Sông Đà Miền Trung cho cổ đông khác		3.500.000.000
Cung cấp dịch vụ cho thuê ca máy, thu phụ phí		1.536.733.728
Bán thanh lý tài sản	1.587.850.000	
Giao dịch giữa Sông Đà Miền Trung với Sông Đà 19		
Tiền khối lượng công trình	163.995.510	29.262.483.636
Cung cấp dịch vụ		152.857.637
Thi công xây dựng công trình toà tháp số 12 – Hồ Xuân Hương		915.284.355

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền khối lượng thi công công trình	932.749.245	366.917.775
Cộng nợ phải trả	932.749.245	366.917.775

2. Chi phí lãi vay vốn hoá

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay vốn hoá đối với các khoản vốn vay riêng biệt	4.065.484.976	798.115.676
Chi phí lãi vay vốn hoá đối với các khoản vốn vay chung		
Tổng chi phí lãi vay vốn hoá	4.065.484.976	798.115.676
Tỷ lệ vốn hóa	67%	10%

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của nhóm Công ty.

Khu vực địa lý

Hoạt động của nhóm Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực Miền Bắc và khu vực Miền Trung.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của nhóm Công ty như sau:

	Khu vực Miền Bắc	Khu vực Miền Trung	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	20.631.620.221	13.792.127.605		34.423.747.826
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.631.620.221	13.792.127.605		34.423.747.826
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(1.240.844.774)	1.426.401.900	-	185.557.126
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				26.822.246.191
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(26.636.689.065)
Doanh thu hoạt động tài chính				13.072.677
Chi phí tài chính				1.905.313.035
Thu nhập khác				1.524.471.736
Chi phí khác				1.508.822.992
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh				2.229.393
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				205.374.740
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(205.374.740)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				(28.511.051.286)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	450.572.727			450.572.727
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	547.799.960	366.201.339		914.001.299
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	30.544.360.075	70.409.845.136		100.954.205.211
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.544.360.075	70.409.845.136		100.954.205.211
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(288.361.082)	113.440.360		(174.920.722)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				5.350.065.870
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(5.524.986.592)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Khu vực Miền Bắc	Khu vực Miền Trung	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu hoạt động tài chính				190.664.189
Chi phí tài chính				7.798.856.844
Thu nhập khác				33.493.925.103
Chi phí khác				31.986.508.889
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh				306.491.837
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				429.004.533
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(205.374.740)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				(11.542.900.989)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	239.037.542	24.932.084.064		25.171.121.606
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	4.018.841.067	9.264.099.051		13.282.940.118

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của nhóm Công ty như sau:

	Khu vực Miền Bắc	Khu vực Miền Trung	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	33.577.074.939	41.738.237.695	-	75.315.312.634
Tài sản phân bổ cho bộ phận	501.905.687	66.030.853.440	-	66.532.759.127
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				8.537.780.798
Tổng tài sản				150.385.852.559
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	20.422.889.255	108.557.930.319	-	128.980.819.574
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				
Tổng nợ phải trả				128.980.819.574
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	63.354.610.593	79.640.525.016		142.995.135.609
Tài sản phân bổ cho bộ phận	1.267.735.502	2.066.483.371		3.334.218.873
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				13.416.491.837
Tổng tài sản				159.745.846.319
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	34.252.284.297	75.556.537.319		109.808.821.616
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				
Tổng nợ phải trả				109.808.821.616

Lĩnh vực kinh doanh

Trong năm, hoạt động của nhóm Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là xây lắp.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của nhóm Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho nhóm Công ty.

Nhóm Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của nhóm Công ty liên quan chủ yếu hoạt động xây lắp, việc thanh toán còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Tuy nhiên, rủi ro chỉ tập trung vào phần giá trị công trình chờ phê duyệt quyết toán nên rủi ro tín dụng đối với khoản phải thu khách hàng là trung bình.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của nhóm Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Cho vay

Nhóm Công ty chỉ cho một cá nhân vay tiền. Ban Tổng Giám đốc nhận thấy có rủi ro khó có khả năng thu được hồi được khoản cho vay này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	621.497.887				621.497.887
Phải thu khách hàng	36.908.422.098		1.309.147.480	242.994.043	38.460.563.621
Các khoản phải thu khác	5.545.174.515			22.996.305.624	28.541.480.139
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	900.000.000			1.000.000.000	1.900.000.000
Cộng	43.975.094.500		1.309.147.480	24.239.299.667	69.523.541.647

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số đầu năm					
Tiền và các khoản trương đương tiền	666.837.993				666.837.993
Phải thu khách hàng	50.701.133.336		1.309.147.480		52.010.280.816
Các khoản phải thu khác	6.045.303.933		6.000.000.000		12.045.303.933
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	5.900.000.000			1.000.000.000	6.900.000.000
Cộng	63.313.275.262		7.309.147.480	1.000.000.000	71.622.422.742

Chi tiết thời gian quá hạn của Các khoản phải thu khác đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quá hạn dưới 6 tháng		6.000.000.000
Quá hạn trên 6 tháng đến dưới 1 năm		1.309.147.480
Quá hạn trên 1 năm đến dưới 2 năm	1.309.147.480	
Cộng nợ phải thu	1.309.147.480	7.309.147.480

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro nhóm Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của nhóm Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của nhóm Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	14.757.666.064	43.140.425.373		57.898.091.437
Phải trả cho người bán	25.763.000.803			25.763.000.803
Các khoản phải trả khác	36.351.158.818			36.351.158.818
Cộng	76.871.825.685	43.140.425.373		120.012.251.058
Số đầu năm				
Vay và nợ	20.485.768.514	17.027.188.077		37.512.956.591
Phải trả cho người bán	31.617.778.795			31.617.778.795
Các khoản phải trả khác	24.325.256.540			24.325.256.540
Cộng	76.428.803.849	17.027.188.077		93.455.991.926

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là trung bình. Nhóm Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Nhóm Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của nhóm Công ty gồm: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá chứng khoán.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của lãi suất, giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của nhóm Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của nhóm Công ty là khoản vay ngắn hạn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của nhóm Công ty sẽ giảm/tăng 295.153.321 VND (năm trước giảm/tăng 750.259.132 VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự thay đổi của lãi suất năm nay giảm so với năm trước do sự giảm xuống của khoản vay có lãi suất thả nổi vì đến hạn theo hợp đồng.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do nhóm Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Nhóm Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư phù hợp với tình hình hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của nhóm Công ty là không đáng kể.

Tài sản đảm bảo

Nhóm Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), KĐT Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	621.497.887	-	666.837.993		621.497.887	666.837.993
Phải thu khách hàng	38.460.563.621	(242.994.043)	52.010.280.816		38.217.569.578	52.010.280.816
Các khoản phải thu khác	28.541.480.139	(22.996.305.624)	12.045.303.933		5.545.174.515	12.045.303.933
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.900.000.000	(380.000.000)	6.900.000.000	(520.000.000)	1.520.000.000	6.380.000.000
Cộng	69.523.541.647	(23.619.299.667)	71.622.422.742	(520.000.000)	45.904.241.980	71.102.422.742

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Vay và nợ	57.898.091.437	37.512.956.591	57.898.091.437
Phải trả người bán	25.763.000.803	31.617.778.795	25.763.000.803	31.617.778.795
Các khoản phải trả khác	36.351.158.818	24.325.256.540	36.351.158.818	24.325.256.540
Cộng	120.012.251.058	93.455.991.926	120.012.251.058	93.455.991.926

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Nhóm Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

Lập, ngày 4 tháng 3 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Hoàng Việt Thanh

Trần Trung Khìn

Vũ Trung Trực